

TRƯỜNG TRUNG CẤP ASEAN
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ASEAN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Chương trình đào tạo bồi dưỡng: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2024

Hội đồng thi: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học ASEAN - Khóa thi ngày 11/08/2024

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 34/QĐ-TTNTH, ngày 14 tháng 08 năm 2024 của Trung tâm NN - TH ASEAN

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI HỌC	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	SỐ HIỆU CHỨNG CHỈ	SỐ VÀO SỔ
1	Trương Thị Kim Anh	5/10/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243954	3990/2024
2	Nguyễn Thị Nam Bình	8/24/1981	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243955	3991/2024
3	Trần Thị Mỹ Châu	8/15/1985	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	C 00243956	3992/2024
4	Trương Thị Thanh Định	10/20/1981	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243957	3993/2024
5	Nguyễn Thị Thu Hà	2/10/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243958	3994/2024
6	Nguyễn Thị Diệu Hiền	4/3/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	C 00243959	3995/2024
7	Nguyễn Thị Thu Hiền	1/1/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243960	3996/2024
8	Lê Tấn Hoàng	5/1/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	C 00243961	3997/2024
9	Phạm Thị Diễm Hương	2/8/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243962	3998/2024
10	Hồ Thị Xuân Hương	1/2/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243963	3999/2024
11	Tạ Ngọc Huy	7/27/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	C 00243964	4000/2024
12	Nguyễn Thị Thúy Kiều	7/4/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243965	4001/2024
13	Trương Thúy Kiều	12/20/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243966	4002/2024
14	Phạm Thị Lan	7/22/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243967	4003/2024
15	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4/25/1987	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243968	4004/2024
16	Ngô Thị Loan	4/6/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243969	4005/2024

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI HỌC	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	SỐ HIỆU CHỨNG CHỈ	SỐ VÀO SỔ
17	Nguyễn Văn Lợi	8/17/1986	Quảng Nam	Nam	Kinh	C 00243970	4006/2024
18	Nguyễn Thị Lợi	3/23/1992	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243971	4007/2024
19	Lương Thị Mỹ Ly	7/6/1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243972	4008/2024
20	Nguyễn Thị Lê Na	10/2/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243973	4009/2024
21	Trần Thị Ánh Nguyệt	1/1/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243974	4010/2024
22	Đặng Thị Tuyết Nhi	10/27/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243975	4011/2024
23	Vũ Thị Hồng Nhung	10/30/1999	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	C 00243976	4012/2024
24	Bùi Thị Phúc	8/10/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243977	4013/2024
25	Bùi Tôn Kim Phụng	7/4/1977	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243978	4014/2024
26	Trần Thị Thái Sơn	9/6/1985	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243979	4015/2024
27	Trịnh Phú Tâm	10/19/2001	Nam Định	Nam	Kinh	C 00243980	4016/2024
28	Nguyễn Thị Tố Tâm	12/12/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243981	4017/2024
29	Nguyễn Thị Tâm	4/27/1993	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243982	4018/2024
30	Phan Thị Thảo	11/10/1983	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243983	4019/2024
31	Lê Văn Tiên	9/18/1985	Quảng Nam	Nam	Kinh	C 00243984	4020/2024
32	Phạm Thị Thùy Trang	5/17/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243985	4021/2024
33	Cao Thị Trang	3/3/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243986	4022/2024
34	Ninh Văn Trí	8/18/1974	Quảng Nam	Nam	Kinh	C 00243987	4023/2024
35	Võ Thị Tú Trinh	7/10/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243988	4024/2024
36	Nguyễn Thị Kim Tuyền	10/22/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243989	4025/2024
37	Mai Vũ Tuyền	9/6/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	C 00243990	4026/2024

TT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI HỌC	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	SỐ HIỆU CHỨNG CHỈ	SỐ VÀO SỔ
38	Nguyễn Thị Hồng Vân	5/18/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243991	4027/2024
39	Nguyễn Thị Diễm Vy	3/14/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243992	4028/2024
40	Zơ Rum Xiết	3/12/1983	Quảng Nam	Nam	Chà Riền	C 00243993	4029/2024
41	Nguyễn Thị Xinh	11/14/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243994	4030/2024
42	Lưu Thị Y	10/10/1996	Quảng Nam	Nữ	Kinh	C 00243995	4031/2024

Danh sách ngày có: 42 (thí sinh)